TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Đ**, sinh năm 1981.

2. Bị đơn: Anh **Võ Thanh H**, sinh năm 1977.

Đồng trú tại: Tổ 26, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay của chị Đ: Tổ 15, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Đ có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trương Thị Đ trình bày:

Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 có tổ chức lễ cưới, và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai hôn nhân lần đầu, tự nguyện.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã về kinh tế. Từ năm 2012 vợ chồng chị sống ly thân, chị trở về nhà bố mẹ đẻ tại khu Kim Sơn sinh sống còn anh H sống bên gia đình nội. Từ khi sống ly thân cho đến nay anh chị có gặp nhau nhưng không bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung tên Võ Trường G, sinh ngày 27/11/2000 đã trưởng thành và Võ Trường S, sinh ngày 10/4/2009. Chị đề nghị được nuôi cháu S sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Thanh H đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đ. Về con chung: giao cháu S cho chị Đ nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: anh H không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về công bố chứng cứ: Tất cả các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thông báo, công bố tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và photo, thông báo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L (số 08 ngày 18/01/2000) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay mà không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ xử, cho chị Đ được ly hôn anh H.

[4]Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Trường G, sinh ngày 27/11/2000 đã trưởng thành và Võ Trường S, sinh ngày 10/4/2009. Ly hôn chị Đ đề nghị được nuôi cháu Sa, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện cháu S trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu có nguyện vọng được sống với chị Đ, thời gian vợ chồng sống ly thân con chung được chị Đ nuôi dưỡng tốt nên cần giao cháu Scho chị Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung là phù hợp Điều 81, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Đ nuôi con không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 157, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị Đ, xử cho chị Trương Thị Đ được ly hôn anh Võ Thanh H.

2. Về con chung: Cháu Võ Trường G, sinh ngày 27/11/2000 đã trưởng thành. Giao cháu Võ Trường S, sinh ngày 10/4/2009 cho chị Trương Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Võ Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Võ Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001083 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

5. Chị Trương Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND TT.Long Thành (GCNKH số 08 ngày 18/01/2000);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Liêm